TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2026
V/v tranh chấp: "*Ly hôn và nuôi dưỡng con chung giữa bà Ly và ông Khan*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thụy Đang Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thuỷ Tiên

2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi dưỡng con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2026/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Bùi Thị L**, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

CCCD số: 089193007267, cấp ngày 07/11/2022

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh An Giang.

Bị đơn: **Ông Hồ Văn K**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

CCCD: 092094001723, cấp ngày 02/12/2022

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, TP Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày: Bà và ông Hồ Văn K quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức hôn lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (cũ) vào năm 2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên bất hoà, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà yêu cầu được ly hôn với

ông K. Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Văn K vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà hôm nay: Bà Bùi Thị L xin giải quyết vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Bị đơn ông Hồ Văn K vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hồ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L và ông K theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thị L và ông Hồ Văn K: Hai người sống chung là do tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông K thì nhận thấy: Theo lời trình bày của bà L có trong hồ sơ vụ án thì trong thời gian sống chung, bà và ông K có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên sống trong cảnh bất hoà do ông K có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Phía ông K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông với bà L.

Xét thấy: Trong thời gian sống chung, giữa bà L và ông K có xảy ra mâu thuẫn và hiện hôn nhân của hai người không còn hạnh phúc. Cho đến thời điểm giải quyết vụ án, cả ông K và bà L không ai thể hiện ý chí hàn gắn hôn nhân của mình. Bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông K, không thể hiện ý chí mong muốn đoàn tụ với ông K; Phía ông K cũng không có ý kiến nào gửi đến Tòa án phản đối yêu cầu xin ly hôn của bà L hay thể hiện ý chí mong muốn đoàn tụ với bà L. Từ đó cho thấy, giữa bà L và ông K có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung đã thực sự không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu của bà L được ly hôn với ông K là có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[3] Về con chung: Đương sự khai không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị L và ông Hồ Văn K.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011538 ngày 05/12/2025 thành án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TPCT;
- VKS cùng cấp;
- THA cùng cấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thụy Đang Phượng